**BÀI 5: GIỐNG VẬT NUÔI**

**Câu 1.** Ý nào sau đây ***không*** phải là điều kiện để công nhận là một giống vật nuôi?

A. Được hội đồng giống vật gia công nhận.

B. Có đặc điểm về ngoại hình và năng suất giống nhau và phân biệt với các giống khác.

C. Có tính di truyền ổn định.

D. Được lai tạo và chọn lọc nhiều lần.

**Câu 2.** Trong chăn nuôi, giống vật nuôicó vai trò nào sau đây?

A. Quyết định đến năng suất chăn nuôi và chất lượng sản phẩm.

B. Quyết định kĩ thuật chăn nuôi.

C. Quyết định mô hình chăn nuôi.

D. Quyết định giá trị kinh tế của sản phẩm.

**Câu 3.** Cho bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Giống vật nuôi | Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm |
| Gà Ri | Năng suất trứng đạt 90 - 120 quả/mái/năm |
| Gà Leghorn | Năng suất trứng đạt 240 - 260 quả/mái/năm |
| Gà Mía | Năng suất trứng đạt 70 - 100 quả/mái/năm |
| **Gà Ai cập** | Năng suất trứng đạt 200 - 220 quả/mái/năm |

Nếu nuôi gà để lấy trứng em sẽ chọn giống gà nào sau đây?

A. Gà Ri. B. Gà Ai Cập. C. Gà Leghorn. D. Gà Mía.

**Câu 4.** Hãy so sánh năng suất và chất lượng sản phẩm của vật nuôi trong bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Giống vật nuôi | Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm |
| Gà Ri | Năng suất trứng đạt 90 - 120 quả/mái/năm |
| Gà Leghorn | Năng suất trứng đạt 240 - 260 quả/mái/năm |
| Trâu Việt Nam | Hàm lượng mỡ sữa chiếm 9 - 12% |
| Trâu Murrah | Hàm lượng mỡ sữa chiếm 7 - 9% |

A. Hàm lượng mỡ sữa của trâu Việt Nam thấp hơn so với trâu Murrah.

B. Năng suất trứng của gà Leghorn cao hơn gấp ba so với gà Ri.

C. Năng suất trứng của gà Leghorn cao hơn gấp đôi so với gà Ri.

D. Hàm lượng mỡ sữa của trâu Việt Nam cao hơn gấp đôi so với trâu Murrah.

**Câu 5.** Giống vật nuôi là

A. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

B. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của thiên nhiên.

C. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người; phải có số lượng đảm bảo để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.

D. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của máy móc.

**Câu 6.** “Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi?

A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.

B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt.

C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao.

D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

**Câu 7.** Có đầu màu đen, có điểm trắng giữa trán, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tại nhỏ và nhọn, lưng võng, bụng hơi xệ. Đây là đặc điểm của giống lợn nào sau đây?

A. Lợn Móng Cái. B. Lợn Ỉ. C. Lợn Yorkshire. D. Lợn rừng.

**Câu 8.** Cho bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Giống vật nuôi | Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm |
| bò sữa HF | Năng suất sữa từ 5000 - 8000 kg /chu kỳ |
| bò sữa Jersey thuần chủng | Năng suất sữa từ 4000 kg/chu kỳ |
| Bò sữa lai HF | Năng suất sữa từ 7000 - 8400 kg/ 2 chu kỳ. |
| Bò **Brown Swiss** | Năng suất sữa từ 3500 - 4000 kg/chu kỳ. |

Nếu nuôi bò để lấy sữa , em sẽ chọn giống bò nào sau đây?

A. Brown Swiss B. Bò lai HF C. Jersey D. Bò sữa HF

**Câu 10.** Gà có bộ lông và dái tai màu trắng, chân màu vàng, mắt màu đỏ. Giống gà này cho năng suất trứng cao. Đây là đặc điểm của giống gà nào sau đây?

A. Gà Leghorn. B. Gà Ác. C. Gà Đông Tảo. D. Gà đen.

**Câu 11.** Khi nói về điều kiện công nhận là một giống vật nuôi. Những phát biểu sau đây đúng hay sai?

a. Có chung nguồn gốc. đ

b. Có một số lượng cá thể nhất định. đ

c. Có tính di truyền ổn định. đ

d. Có đặc điểm về ngoại hình và năng suất giống khác nhau và phân biệt với các giống khác. s

**Câu 12.** Khi nói về điều kiện công nhận là một giống vật nuôi. Những phát biểu sau đây đúng hay sai?

a. Có chung nguồn gốc. đ

b. Có số lượng cá thể phải rất lớn. s

c. Có tính di truyền ổn định. đ

d. Có đặc điểm về ngoại hình và năng suất giống giống nhau và phân biệt với các giống khác. đ

**Câu 13.** Khi nói về vai trò của giống trong chăn nuôi. Những nhận định sau đây đúng hay sai?

a. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi. đ

b. Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi. đ

c. Giống vật nuôi quyết định đến loại hình chăn nuôi. s

d. Giống vật nuôi quyết định đến xu hướng chăn nuôi. S

**Câu 14.** Khi nói về giống trong chăn nuôi. Những nhận định sau đây đúng hay sai?

a. Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc các giống khác nhau sẽ cho năng suất khác nhau. đ

b. Yếu tố môi trường, chế độ dinh dưỡng, bệnh tật, cách quản lý và nuôi dưỡng cũng ảnh hưởng đến chất lượng giống. s

c. Yếu tố môi trường, chế độ dinh dưỡng cũng ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm chân nuôi. đ

d. Bệnh tật, cách quản lý và nuôi dưỡng cũng ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm chân nuôi. Đ

**Câu 15.** Khi nói về đặc điểm của lợn Móng Cái, gà Leghorn và vịt cỏ. Những nhận định sau đây đúng hay sai?

a. Lợn Móng Cái sinh sản tốt và nuôi con khéo. đ

b. Gà Leghorn cho năng suất trứng cao. đ

c. Vịt cỏ cho năng suất trứng khá cao. đ

d. Cả 3 giống vật nuôi chủ yếu được nuôi lấy thịt. s

=================================

**BÀI 6: CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI**

**Câu 1.** Chọn giống vật nuôi là

A. xác định và chọn những con vật nuôi có tiềm năng di truyền vượt trội về một hay nhiều tính trạng mong muốn để làm giống.

B. xác định và chọn những con vật nuôi có tiềm năng di truyền vượt trội về một hay nhiều tính trạng mong muốn để làm sản phẩm.

C. xác định và chọn những con vật nuôi có tiềm năng di truyền vượt trội về một hay nhiều tính trạng mong muốn để nuôi lấy thịt, trứng và sữa.

D. xác định và chọn những con vật nuôi có giá trị kinh tế cao để nuôi làm sản phẩm.

**Câu 2**. Có những phương pháp chọn giống vật nuôi nào?

A. Chọn lọc hàng loạt. B. Chọn lọc cá thể.

C. Chọn lọc hàng loạt và chọn lọc cá thể. D. Chọn lọc tổng hợp.

**Câu 3.** ***Không*** phải là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn giống vật nuôi là

A. ngoại hình. B. thể chất.

C. khả năng sinh trưởng và phát dục. D. bộ gen.

**Câu 4.** Vai trò của chọn giống vật nuôi là gì?

A. Chọn ra những con vật ưu tú từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau.

B. Chọn ra những con vật có đặc điểm ngoại hình tốt từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau.

C. Chọn ra những con vật có thể chất tốt từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau.

D. Chọn ra những con vật cho năng suất và chất lượng sản phẩm cao từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau.

**Câu 5.** Chỉ tiêu nào sau đây ***không*** phải là chỉ tiêu về ngoại hình của vật nuôi?

A. Hình dáng thân. B. Tốc độ lớn.

C. Màu sắc bộ lông. D. Màu sắc da thân, da chân.

**Câu 6.** Nhận định nào sau đây là ưu điểm của phương pháp chọn lọc hàng loạt?

A. Đơn giản, dễ thực hiện, ít tốn kém và được áp dụng khi cần chọn lọc nhiều vật nuôi một lúc hay trong thời gian ngắn.

B. Hiệu quả chọn lọc cao.

C. Độ chính xác không cao.

D. Cần nhiều thời gian, trình độ khoa học kĩ thuật và điều kiện cơ sở vật chất.

**Câu 7.** Nhận định nào sau đây là ưu điểm của phương pháp chọn lọc cá thể?

A. Đơn giản, dễ thực hiện, ít tốn kém và được áp dụng khi cần chọn lọc nhiều vật nuôi một lúc hay trong thời gian ngắn.

B. Hiệu quả chọn lọc cao.

C. Độ chính xác không cao.

D. Cần nhiều thời gian, trình độ khoa học kĩ thuật và điều kiện cơ sở vật chất.

**Câu 8.** Chọn lọc dựa vào chỉ thị phân tử là

A. phương pháp chọn lọc các cá thể dựa trên các gene quy định hoặc có liên quan đến một tính trạng mong muốn nào đó.

B. chọn lọc dựa trên ảnh hưởng của tất cả các gene có liên quan đến một tính trạng nào đó.

C. phương pháp chọn lọc dựa vào phả hệ để xem xét các đời tổ tiên của vật nuôi có tốt hay không và từ đó dự đoán được phẩm chất sẽ có ở đời sau.

D. phương pháp định kì theo dõi, ghi chép các chỉ tiêu ngoại hình, năng suất, chất lượng sản phẩm mà vật nuôi đạt được ngay trong điều kiện của sản xuất.

**Câu 9.** Chất lượng sản phẩm của vật nuôi được đánh giá qua các chỉ tiêu nào sau đây?

A. Kích thước và tốc độ lớn của vật nuôi. B. Màu sắc da và màu sắc lông.

C. Tốc độ tăng khối lượng cơ thể. D. Màu sắc, mùi vị, hàm lượng dinh dưỡng.

**Câu 10.** Chọn lọc hàng loạt là

A. phương pháp chọn lọc các cá thể dựa trên các gene quy định hoặc có liên quan đến một tính trạng mong muốn nào đó.

B. chọn lọc dựa trên ảnh hưởng của tất cả các gene có liên quan đến một tính trạng nào đó.

C. phương pháp chọn lọc dựa vào phả hệ để xem xét các đời tổ tiên của vật nuôi có tốt hay không và từ đó dự đoán được phẩm chất sẽ có ở đời sau.

D. phương pháp định kì theo dõi, ghi chép các chỉ tiêu ngoại hình, năng suất, chất lượng sản phẩm mà vật nuôi đạt được ngay trong điều kiện của sản xuất.

**Câu 11.** Chỉ tiêu để đánh giá khả năng sinh trưởng và phát dục ở vật nuôi là

A. kích thước cơ thể và tốc độ lớn.

B. hình dáng than và máu sắc bộ lông.

C. hàm lượng protein trong thịt, trứng, sữa.

D. khối lượng cơ thể qua các giai đoạn tuổi, tốc độ tăng khối lượng và hiệu quả sử dụng thức ăn.

**Câu 12.** Chọn lọc dựa trên ảnh hưởng của tất cả các gene có liên quan đến một tính trạng nào đó. Đây là phương pháp

A. chọn lọc hang loạt. B. chọn lọc cá thể.

C. chọn lọc dựa vào chỉ thị phân tử. D. chọn lọc bằng bộ gen.

**Câu 13.** Khi nói về ưu điểm của phương pháp chọn lọc bằng bộ gene. Những nhận định sau đây đúng hay sai?

a. Độ chính xác cao. đ

b. Rút ngắn thời gian chọn lọc. đ

c. Tăng hiệu quả chăn nuôi. đ

d.  Chi phí rất cao. s

**Câu 14.** Cho các ví dụ về sự phát dục ở vật nuôi. Các ví dụ sau đây đúng hay sai?

a. Thời gian mang thai của lợn khoảng 114-118 ngày, sau đó chúng sẽ sinh từ 6-12 con, tùy thuộc vào chủng loại. đ

b. Lợn có thể sinh sản trong suốt đời của chúng, và số lượng con sinh ra cũng sẽ giảm dần khi chúng già đi. đ

c. Bò có thể sản xuất sữa trong suốt quãng đời của chúng, tuy nhiên năng suất sữa của chúng sẽ giảm dần khi chúng già đi. đ

d. Lợn lớn nhanh và có thể đạt trọng lượng 100-120kg sau khoảng 6-7 tháng tuổi. s